

**Bản án số: 80/2025/HS-ST
Ngày: 19-6- 2025**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hoàng Duyên

2. Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5 và 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLHS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lưu Chí X, sinh ngày 18/6/1984 tại K.

Nơi thường trú: Số 81, tổ 8, ấp Hòa M, xã Hòa H, huyện Giồng R, tỉnh K; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã Hòa L, huyện Giồng R, tỉnh K; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Hữu N và bà Trần Thị B; vợ Trần Thị N (đã ly hôn năm 2021); con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2023, đến ngày 02/4/2025, được tại ngoại cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Quách Văn V, sinh ngày 18/7/1979 tại K.

Nơi thường trú: Ấp Chà R, xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K; nghề nghiệp: Nguyên Công chức UBND xã Thạnh B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn T và bà Phan Thị Đ; vợ Võ Thị L; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

Bản án phúc thẩm số 1110/2024/HSPT ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Quách Văn V xử phạt 12 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác” (Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 05/8/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền G cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn T, sinh ngày 13/8/1982 tại K.

Nơi thường trú: Ấp Bờ X, xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Thái Kim T; vợ Trương Ngọc T; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

Bản án phúc thẩm số 1110/2024/HSPT ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Văn T xử phạt 12 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác” (Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 55/2024/HSST ngày 05/8/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2023 tại Công an tỉnh Tiền G cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền G cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền G cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Tiêu Phước Z, sinh ngày 12/6/1985, tại K.

Nơi thường trú: Khu phố Nội Q, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh K; cư trú: Khu phố 7, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiêu Kim T và bà Trần Kim H; vợ Võ Thị Kim H; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024, đến ngày 29/8/2024, được tại ngoại cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa:**

- Luật sư **Đào Quốc Việt**, Công ty Luật TNHH Kim Long bào chữa cho bị cáo Lưu Chí Thanh.

- Luật sư **Phạm Văn Triều Anh** - Văn phòng luật sư Đoàn Công Thiện, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Trần Văn Thắm.

- Luật sư **Nguyễn Thị Kim Soàn** - Văn phòng luật sư Phạm Văn Cần, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Quách Văn Việt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Lưu Thị Thúy H**, sinh năm 1975 (chị bị cáo T, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: ấp Hòa M, xã Hòa H, huyện Giồng R, tỉnh K.

2. Ông **Quách Quốc H**, sinh năm 1986 (Em của bị cáo V, có mặt).

Cư trú: ấp Chà R, xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K.

3. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1956 (Cha bị cáo T, có mặt).

Cư trú: ấp Bờ X, xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K.

4. Ông **Tiêu Phước V**, sinh năm 1973 (Anh bị cáo Z, có mặt).

Cư trú: Số 52, khu phố Nội Q, thị trấn Giồng R, huyện Giồng R, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Lưu Chí X nguyên là trưởng Công an xã Hòa L, huyện Giồng R, tỉnh K. Trong thời gian công tác, thực hiện nhiệm vụ, X vì động cơ vụ lợi được T cho 20.000.000 đồng trước khi thực hiện việc chỉnh sửa thông tin xe trên phần mềm mà lợi dụng chức vụ quyền hạn, cấu kết với đối tượng tên T (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) và Tiêu Phước Z đăng ký 09 (chín) xe mô tô có giá trị thấp. X sử dụng tài khoản của trưởng Công an xã để trực tiếp hiệu chỉnh (sửa số khung, số máy, số loại của xe mô tô cấp biển số thành xe có giá trị cao, hợp thức hóa xe không có nguồn gốc xuất xứ thành xe có nguồn gốc xuất xứ để bán thu lợi bất chính, cụ thể:

1. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.26

Đăng ký lần đầu ngày 24/04/2005 tại Công an Thành phố Đà Nẵng, mang biển kiểm soát 43S2-5392; nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: CYGNUS X; số khung: LPRSE081000009756, máy E326E109720; dung tích xi lanh 125cm³; chủ xe Nguyễn Thị Khánh N, cư trú ấp Hòa T, xã Hòa G, Thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14/3/2021, Công an quận Hòa G, Thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe cho Thái Ngọc D, cư trú 18/54B Xô Viết Nghệ T, phường Thuận A, quận Ninh K, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 24/02/2023, Z đã đem giấy bán cho, tặng xe thể hiện Thái Ngọc D bán xe trên cho Huỳnh Văn D, cư trú ấp Hòa B, xã Hòa L, Giồng R, K đã được viết sẵn nội dung đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V, nguyên cán bộ UBND xã tiếp nhận rồi trình ký cho Trần Văn T, nguyên Phó Chủ tịch xã ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 04/03/2023, Trần Chi T tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.26, tên chủ xe Huỳnh Văn D. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã trực tiếp hiệu chỉnh số loại: CYGNUS X thành 125ZR; số khung: LPRSE081000009756 thành KE1046923; số máy: E326E109720 thành E101E046923, rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe số: 68000439 ngày 04/03/2023.

Ngày 08/03/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng không, thể hiện Huỳnh Văn D bán xe cho Nguyễn Văn C, thường trú Vị B, Vị T, Hậu G rồi đưa lại cho X. Đến ngày 09/03/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số 68G2-067.26 chuyển đi ra ngoài tỉnh.

2. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-052.17:

Đăng ký lần đầu ngày 03/10/2008 tại Công an Thành phố Đà Nẵng, mang biển kiểm soát 43X5-5425; nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: CYGNUS; số khung: LYMTJAA407A107087, số máy ZY151QMI207107083; dung tích xi lanh 125cm³, màu sơn: vàng. Chủ xe là Mai Thị Thanh H, cư trú: Tổ K, phường Hòa H, Ngũ Hành S, Đà Nẵng. Ngày 26/11/2021, Công an quận Ngũ Hành S cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số cho Nguyễn Trúc Đ, cư trú: Hòa T, Hòa H, Giồng R, K.

Ngày 24/02/2023, Tiêu Phước Z đã đem giấy bán cho, tặng xe đã được viết sẵn nội dung thể hiện Nguyễn Trúc Đ bán xe trên cho Trần Minh T, cư trú ấp Hòa

B, Hòa L, Giồng R, K đến UBND xã Thạnh B, đưa cho Quách Văn V, tiếp nhận rồi trình ký cho Trần Văn T, ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho Lưu Chí X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe. Ngày 17/03/2023, X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-052.17, tên chủ xe Trần Minh T. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã trực tiếp hiệu chỉnh số loại: CYGNUS thành 125ZR; số khung: LYMTJAA407A107087 thành KE1054544; số máy: ZY151QMI207107083 thành E101E054544, rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe số: 68000497 ngày 17/03/2023.

Ngày 20/3/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng không, thể hiện Trần Minh T bán xe cho Lý Thị Kim Y, số CCCD: 091197000300; thường 9A1, Vị T, Vị T, Hậu G rồi đem lại cho X. Đến ngày 23/03/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-052.17 nêu trên rồi chuyển đi ra ngoài tỉnh.

3. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.22

Đăng ký lần đầu ngày 02/06/2006 tại Công an Thành phố Đà Nẵng, mang biển kiểm soát 4386-1503; nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: CYGNUSX; số khung: LPRSE081000508111, số máy E326E508051; dung tích xi lanh 124cm³, màu sơn: trắng. Chủ xe tên Lê Thị Hồng L, cư trú quận Hải C, TP Đà Nẵng.

Ngày 30/11/2021, Công an quận Hải C cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số cho Nguyễn Trúc Đ, cư trú Hòa T, Hòa H, Giồng R, K.

Ngày 28/02/2023, Tiêu Phước Z đem hợp đồng mua bán xe thể hiện Nguyễn Trúc Đ bán xe trên cho Bùi Hữu D, cư trú ấp Hòa L, Hòa L, Giồng R đã được viết sẵn nội dung và gửi đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V, tiếp nhận rồi trình cho Trần Văn T, ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 17/03/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.22, tên chủ xe Bùi Hữu D. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: CYGNUSX thành 125ZR; số khung: LPRSE081000508111 thành KE1053445; số máy: E326E508051 thành E101E053445, rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 68000499 ngày 17/03/2023.

Ngày 20/3/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng không, thể hiện Bùi Hữu D bán xe cho Võ Thị Ngọc D, số CCCD: 093190007393; thường trú Khu vực I, phường Q, thành phố Vị T, Hậu G rồi đưa lại cho X. Đến ngày 23/03/2023, X cấp

giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-067.22 nêu trên rồi chuyển đi ngoài tỉnh.

4. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.37

Đăng ký lần đầu ngày 15/11/2008 tại Công an Thành phố Đà Nẵng, mang BKS 43X5- 9584; nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: CYGNUS; số khung: LYMTJAA477A321325, số máy ZY151QMI20730912; dung tích xi lanh 125cm³. Chủ xe Huỳnh Thị Minh H, cư trú Thanh K, Thanh K, Đà Nẵng.

Ngày 30/11/2021, nên Công an quận Thanh K cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký biển số cho Nguyễn Trúc Đ, cư trú Hòa T, Hòa H, Giồng R, K.

Ngày 28/02/2023, Tiêu Phước Z đem hợp đồng mua bán xe, thể hiện Nguyễn Trúc Đ bán xe trên cho Huỳnh Phát T, cư trú ấp Hòa H, Hòa L, Giồng R đã được viết sẵn nội dung và đưa cho Quách Văn V, tiếp nhận rồi trình Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 17/03/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.37, tên chủ xe: Huỳnh Phát T. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: CYGNUS thành 125ZR; số khung: LYMTJAA477A321325 thành KE1054383; số máy: ZY151QMI20730912 thành E101E054383; rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe số: 68000502 ngày 17/03/2023.

Ngày 20/3/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng khống, thể hiện Huỳnh Phát T bán xe cho Trần Thanh T, số CCCD:093084000587; thường trú Vị T, Vị T, Hậu G rồi đưa lại cho X. Đến ngày 23/03/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-067.37 nêu trên chuyển đi ngoài tỉnh.

5. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.41

Ngày 24/3/2023, Z đem hợp đồng mua bán xe đã được viết sẵn nội dung, thể hiện Nguyễn Thành Đ bán xe mô tô biển số 68G1-675.04, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: ZY125T-4 CYGNUS Z; số khung: LYMTJAA467A303647, số máy: ZY151QMI207303670; dung tích xi lanh 125cm³, màu sơn: bạc cho Phan Văn P, cư trú Thạnh L, Trung H, Cờ Đ, Cần Thơ đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách V tiếp nhận rồi trình Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 03/4/2023, Tiêu Phước Z đã tự lập không hợp đồng mua bán xe thể hiện Phan Văn P bán xe trên cho Huỳnh Phát T, cư trú ấp Hòa H, Hòa L, Giồng R, K rồi mang đến UBND xã Thạnh B rồi đưa cho V tiếp nhận rồi trình cho T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 14/04/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.41, tên chủ xe là Huỳnh Phát T. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã trực tiếp hiệu chỉnh số loại: ZY125T-4 CYGNUSZ thành 125ZR; số khung: LYMTJAA467A303647 thành PMYKE0600H0300579, số máy: ZY151QMI207303670 thành E101EK300579; rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe số: 68000567 ngày 14/04/2023.

Ngày 17/4/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng không thể hiện Huỳnh Phát T bán xe trên cho Ngô Đức Q, số CCCD: 046072000225, cư trú 62/85 Lý Chính T, phường Võ Thị S, Quận L, TP. HCM rồi đưa lại cho X. Cùng ngày 17/4/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-067.41 nêu trên chuyển đi ngoài tỉnh.

6. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.52:

Đăng ký lần đầu ngày 14/07/2007 tại Công an tỉnh Bà R, mang biển kiểm soát 72L4-8169; nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: CYGNUSZ; số khung: LYMTJAA427A101730, số máy ZY151QMI207101736; dung tích xi lanh 125cm³, màu sơn: xám, chủ xe đã bán cho Nguyễn Thành Đ, cư trú Hòa T, Hòa H, Giồng R, K đã đăng ký xe tại Công an xã Hòa H với biển số: 68G1674.47.

Ngày 16/02/2023, Tiêu Phước Z đem hợp đồng mua bán xe đã được viết sẵn nội dung, thể hiện Nguyễn Thành Đ bán xe cho Phan Văn P, cư trú Thạnh L, Trung H, Cờ Đ, Cần Thơ đến UBND xã Thạnh B, đưa cho V tiếp nhận rồi trình cho T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 03/4/2023, Z đã tự lập không hợp đồng mua bán xe thể hiện Phan Văn P bán xe cho Nguyễn Văn D, cư trú Hòa B, Hòa L, Giồng R, K đến UBND xã Thạnh B đưa cho Qucha Văn V tiếp nhận rồi trình Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 14/04/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.52, tên chủ xe Nguyễn Văn D. X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: CYGNUSZ thành 125ZR; số khung: LYMTJAA427A101730 thành MYKE0600H0301174; số máy: ZY151QMI207101736 thành E101EK301174; rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe số: 68000599 ngày 14/4/2023.

Ngày 17/4/2023, đối tượng tên T đã làm hợp đồng khống, thể hiện Nguyễn Văn D bán xe cho Đinh Ngọc A, số CCCD: 084074000103; thường trú 54/5A Trung L, Bà Đ, Hóc M, TP. HCM rồi đưa cho X. Đến ngày 19/4/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-067.52 nêu trên chuyển đi ngoài tỉnh.

7. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-052.24

Đăng ký lần đầu năm 1997, tại tỉnh Tiền G, mang biển kiểm soát 63F3-6829; Nhân hiệu: SUZUKI, số loại: VIVA; số khung: BE42CTH705933, số máy: E409TH705933; chủ xe Trần Văn X.

Ngày 27/10/2021, Công an huyện Châu T, Tiền G cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe cho Thái Ngọc D, cư trú 18/54B Xô Viết Nghệ T, phường Thuận A, Quận Ninh K, Cần Thơ.

Ngày 15/02/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-052.24, tên chủ xe Huỳnh Văn D. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: VIVA thành RU110; số khung: BE42CTH705933 thành RU110UA13439, số máy: E409TH70593 thành E114M113439, rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe Số: 68000471 ngày 15/02/2023.

Ngày 16/02/2023, Tiêu Phước Z đã tự lập khống giấy bán cho, tặng xe thể hiện Huỳnh Văn D bán xe trên cho Nguyễn Văn C rồi đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V tiếp nhận rồi trình cho Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi đưa Lưu Chí X để làm thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe. Cùng ngày 16/02/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-052.24 trên chuyển đi ngoài tỉnh.

8. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-052.73

Đăng ký lần đầu ngày 13/10/1999 tại Thành phố Hà Nội, mang biển kiểm soát 29F9-4281 Nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: VIVA; số khung: BE42CTH708021, số máy E409TH708021; chủ xe Đoàn Thị B.

Ngày 21/10/2021, Công an quận Ba Đ cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số cho Vũ Mạnh T, cư trú An H, Cái B, Tiền G.

Ngày 27/02/2023, Tiêu Phước Z đã tự lập không Giấy bán, cho, tặng xe thể hiện Vũ Mạnh T bán xe trên cho Nguyễn Văn D, cư trú ấp Hòa B, Hòa L, Giồng R, K rồi đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V tiếp nhận rồi trình Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho Lưu Chí X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 06/03/2023, X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-052.73, tên chủ xe Nguyễn Văn D. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: VIVA thành RGV120; số khung: BE42CTH708021 thành PMSRU120U22A48426, số máy: E409TH70802 thành F124148426; rồi ban hành Giấy chứng nhận đăng ký xe Số: 68000429 ngày 06/03/2023.

Ngày 09/03/2023, Tiêu Phước Z đã tự lập không giấy bán cho, tặng xe thể hiện Nguyễn Văn D bán xe cho Nguyễn Văn L, thường Vị T, Vị T, Hậu G rồi đem đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V tiếp nhận rồi trình Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định. Z đã làm giả tài liệu nêu trên để Lưu Chí X làm thủ tục xe chuyển đi. Cùng ngày 09/03/2023, X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-052.73 trên chuyển đi ngoài tỉnh.

9. XE MÔ TÔ BIỂN KIỂM SOÁT 68G2-067.54

Đăng ký lần đầu ngày 31/08/1997 tại Thành phố Hà Nội, mang biển kiểm soát 29F9-7655; nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: VIVA; số khung: BE42CTH703042, số máy E409TH703042; chủ xe Phạm Thị H.

Ngày 21/10/2021, Công an quận Đống Đ cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số cho Vũ Mạnh T, cư trú An H, Cái B, Tiền G.

Ngày 27/02/2023, Tiêu Phước Z đã lập không giấy bán, cho, tặng xe thể hiện Vũ Mạnh T bán xe trên cho Phan Văn T, cư trú ấp Hòa B, Hòa L, Giồng R, K rồi đến UBND xã Thành B đưa cho Quách Văn V tiếp nhận rồi trình cho Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho Lưu Chí X làm các thủ tục hợp thức hóa việc đăng ký xe.

Ngày 07/03/2023, Lưu Chí X tiếp nhận đăng ký xe chuyển đến, cấp biển số mới 68G2-067.54, tên chủ xe Phan Văn T. Tiếp đó, X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trực tiếp hiệu chỉnh số loại: VIVA thành RGV120; số khung: BE42CTH703042 thành RU120UA14372, số máy: E409TH703042 thành F124114372; rồi ban hành giấy chứng nhận đăng ký xe Số:68000431 ngày 07/03/2023.

Ngày 09/03/2023, Z đã đem hợp đồng mua bán xe thể hiện Phan Văn T bán xe cho Trần Thanh T, thường trú Vị T, Vị T, Hậu G đến UBND xã Thành B đưa cho Quách Văn V tiếp nhận rồi trình cho Trần Văn T ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định rồi giao lại cho X làm các thủ tục hợp thức hóa xe chuyển đi. Cùng ngày 09/03/2023, Lưu Chí X cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy đăng ký, biển số xe 68G2-067.54 trên chuyển đi ngoài tỉnh.

* Đối với 09 hồ sơ đăng ký xe mô tô trên: Lưu Chí X đã cấp giả về nội dung 09 (chín) giấy chứng nhận đăng ký xe và 09 (chín) giấy chứng nhận thu hồi đăng ký và biển số đối với 09 xe mô tô. Đối với hợp đồng mua bán xe và giấy bán, cho, tặng xe thì do Tiêu Phước Z đã trực tiếp đem 06 (sáu) giấy bán, cho, tặng xe và 07 (bảy) hợp đồng mua bán xe đến UBND xã Thành B, huyện Giồng R đưa cho Quách Văn V và Trần Văn T xác nhận tại thời điểm chứng thực nhưng bên mua và bên bán xe không có mặt tại nơi ký chứng thực mà bên mua, bên bán đã ký sẵn trước đó. Trong đó, Z đã làm giả nội dung 02 (hai) hợp đồng mua, bán xe và 04 (bốn) giấy bán, cho, tặng xe. V khi tiếp nhận hợp đồng, giấy bán cho tặng xe do Z mang đến nhưng không có người mua và người bán đến để thực hiện chứng thực chữ ký theo quy định nhưng V trình cho T ký theo thẩm quyền. V và T vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã ký chứng thực tài liệu là 06 (sáu) giấy bán, cho, tặng xe và 07 (bảy) ợp đồng mua bán xe. T khai hưởng lợi 25.000 đồng, V hưởng lợi 20.000 đồng trên mỗi giấy được ký chứng thực ở trên để Z sử dụng vào việc đăng ký xe và sang tên xe đi nơi khác để xe bất hợp pháp thành xe hợp pháp.

Ngoài ra, trong vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được 20 (hai mươi một) hồ sơ đăng ký xe mô tô, xe gắn máy có dấu hiệu có nguồn gốc giả. Trong quá trình điều tra xác định 20 (hai mươi) hồ sơ đăng ký xe mô tô, xe gắn máy có nguồn gốc giả là:

TT	BIỂN SỐ	NHÃN HIỆU	GHI CHÚ
----	---------	-----------	---------

1	68A1-016.71	HONDA	Chưa chuyển đi
2	68KA-050.84	HONDA	Đã chuyển đi La G, Bình T và đã đăng ký biển số 86AH-042.39
3	68G2-039.14	HONDA	Đã chuyển đi Hồng N, Đồng T và đã đăng ký biển số 66H1-474.33
4	68G2-039.80	YAMAHA	Đã chuyển đi Long M, Hậu G và đã đăng ký biển số 95L1-021.49
5	68G2-039.04	YAMAHA	Đã chuyển đi Vị T, Hậu G và đã đăng ký biển số 95B2-125.73
6	68G2-039.06	HONDA	Chưa chuyển đi
7	68KA-050.73	HONDA	Đã chuyển đi La G, Bình T và đã đăng ký biển số 86AH-042.21
8	68G2-039.72	HONDA	Đã chuyển đi Hà T, K và đã đăng ký biển số 68H1- 223.72
9	68KA-050.88	HONDA	Chưa chuyển đi
10	68A1-016.72	HONDA	Chưa chuyển đi
11	68A1-016.78	HONDA	Chưa chuyển đi
12	68KA-050.50	HONDA	Chưa chuyển đi
13	68KA-050.52	HONDA	Chưa chuyển đi
	68G2-039.90	HONDA	Chưa chuyển đi

14			
15	68KA-050.48	HONDA	Đã chuyển đi La G, Bình T và đã đăng ký biển số 86AH-042.32
16	68G2-039.52	HONDA	Chưa chuyển đi
17	68G2-039.53	HONDA	Chưa chuyển đi
18	68G2-039.18	HONDA	Chưa chuyển đi
19	68A1-016.75	HONDA	Chưa chuyển đi
20	68G2-015.85	HONDA	Chưa chuyển đi

Qua tài liệu xác định, Lưu Chí X tiếp nhận từ tên T (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) 20 (hai mươi) hồ sơ đăng ký xe nêu trên có nguồn gốc giả nhưng vì động cơ vụ lợi mà tiếp nhận đăng ký cho 20 chiếc xe có nguồn gốc giả thành xe hợp pháp, tạo điều kiện cho T bán cho người khác để thu lợi bất chính. Hiện chưa làm rõ nhân thân, lai lịch tên T và đối tượng có liên quan làm giả tài liệu của 20 hồ sơ xe mô tô, xe máy này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra xác minh, truy tìm đối tượng, vật chứng có liên quan để tiến hành điều tra làm rõ và sẽ xử lý sau trong một vụ án khác.

Từ ngày 10/10/2023 đến ngày 02/08/2024 Lưu Chí X, Tiêu Phước Z, Quách Văn V, Trần Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh K khởi tố để điều tra.

* Tại bản kết luận số 786/KL-KTHS, ngày 31/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận:

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K đã so sánh chữ ký và con dấu của 14 (mười bốn) Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu có chữ ký mang tên Hà Thị Hồng V và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU BẮC GIANG - M.S.D.N 2400110949 - C.T.C.P - TP. BẮC GIANG T. BẮC GIANG” và 06 (sáu) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trong đó 03 (ba) phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, có chữ ký mang tên Phạm Văn C và hình

dấu tròn màu đỏ có nội dung “CÔNG TY HONDA VIỆT NAM - M.S.D.N: 2500150543 - PHÚC YÊN - VĨNH PHÚC” và 03 (ba) phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, có chữ ký mang tên Kiều Văn H và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CÔNG TY HONDA VIỆT NAM - M.S.D.N: 2500150543 - PHÚC YÊN - VĨNH PHÚC”, kết quả là chữ ký và hình dấu của 14 (mười bốn) Tờ khai nguồn gốc xe gắn máy nhập khẩu của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc G là giả và 06 (sáu) phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng không đủ cơ sở để kết luận do đó Công an tỉnh K đã ban hành công văn gửi công ty Honda Việt Nam để xác minh 06 (sáu) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, kết quả cả 06 (sáu) phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trên đều không phải do Công ty Honda Việt Nam cung cấp.

* Tại bản kết luận chữ ký và chữ viết số 1242/KL-KTHS, ngày 15/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận:

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K đã so sánh mẫu chữ ký, chữ viết của 06 (sáu) Giấy bán, cho, tặng xe và 07 (bảy) Hợp đồng mua, bán xe cần giám định và mẫu so sánh chữ viết và chữ ký của Tiêu Phước Z. Kết quả xác định Tiêu Phước Z đã viết và ký bên bán xe của 02 (hai) Hợp đồng mua, bán xe và 04 (bốn) Giấy bán, cho, tặng xe rồi đem đến UBND xã Thạnh B, huyện Giồng R, tỉnh K để ký chứng thực.

* Tại bản kết luận chữ ký và hình dấu số 861/KL-KTHS, ngày 23/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận:

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K đã so sánh chữ ký của Quách Văn V, Trần Văn T và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “U.B.N.D XÃ THẠNH BÌNH H. GIỒNG RIỀNG T. KIÊN GIANG” của 06 (sáu) Giấy bán, cho, tặng xe và 07 (bảy) Hợp đồng mua, bán xe. Kết quả tất cả chữ ký và hình dấu màu đỏ đều là thật.

* Vật chứng và các đồ vật, tài liệu đã thu giữ gồm:

- 29 (hai mươi chín) hồ sơ đăng ký xe mô tô, xe gắn máy (kèm theo hồ sơ vụ án).

- 09 (chín) lốc máy xe mô tô (số máy: F124114372; F124148426; E114M113439; E101EK301174; E101EK300579; E101E054383; E101E053445; E101E054544; E101E046923).

- 09 (chín) khung sườn xe mô tô (số khung: RU120UA14372; PMSRU120U22A48426; RU110UA13439; PMYKE0600H0301174; PMYKE0600H0300579; KE1054383; KE1053445; KE1054544; KE1046923).

- Ngày 08/11/2024 Lưu Chí X (do Lưu Thị Thúy H nộp thay) đã nộp số tiền: 20.200.000 đồng theo biên lai số 0006630, ngày 08/11/2024, hiện tại đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 20.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Ngày 02/7/2024 Tiêu Phước Z (do Tiêu Phước V nộp thay) đã nộp số tiền: 2.120.000 đồng theo biên lai số 0005642, ngày 02/7/2024, hiện tại đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 1.920.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Ngày 12/9/2024 Quách Văn V (do Quách Quốc H nộp thay) đã nộp số tiền: 460.000 đồng theo biên lai số 0005805, ngày 12/9/2024, hiện tại đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 260.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Ngày 19/8/2024 Trần Văn T (do Trần Văn H nộp thay) đã nộp số tiền: 525.000 đồng theo biên lai số 0005789, ngày 19/8/2024, hiện tại đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 325.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

* ***Tại bản cáo trạng*** số 43/CT-VKSTKG-P2 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K đã truy tố các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự; bị cáo Tiêu Phước Z về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố có ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T và Tiêu Phước Z. Kiểm sát viên phân tích, đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Tiêu Phước Z phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lưu Chí X**, mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Quách Văn V**, mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T**, mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Tiêu Phước Z**, mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* *Các Luật sư Đào Quốc V, Nguyễn Thị Kim S, Phạm Văn Triều A phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc Viện kiểm sát đề nghị chuyển khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.*

- *Luật sư Đào Quốc V bào chữa cho bị cáo Lưu Chí X: Bị cáo là người trực tiếp nhận hồ sơ, chỉnh sửa số khung, số máy, số loại của các xe mô tô, nhưng khi bị phát hiện bị cáo đã thu hồi lại các giấy tờ giả. Do đó, hậu quả không xảy ra. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là lao động duy nhất nuôi 03 người con nhỏ dại, mẹ già. Bị cáo chủ động ngăn chặn hậu quả của hành vi phạm tội nên chưa gây ra thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.*

- *Luật sư Nguyễn Thị Kim S bào chữa cho bị cáo Quách Văn V: Tuy nhiên, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra, là cha của bị cáo là người có công cách mạng, bị cáo khắc phục hậu quả, lao động duy nhất, nuôi 02 con nhỏ đề nghị Hội*

đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Luật sư Phạm Văn Triều A bào chữa cho bị cáo Trần Văn T*: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết cha của bị cáo 45 tuổi đảng, nộp lại số tiền thu lợi bất chính; gia đình khó khăn, có cha mẹ già và con nhỏ. Về tính chất phạm tội trong vụ án này về số lượng hồ sơ thấp nên mức độ thiệt hại không lớn, các hồ sơ, giấy tờ giả cơ quan chức năng đã thu hồi.

- *Bị cáo Tiêu Phước Z không tranh luận, chỉ có ý kiến*: Bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già bị bệnh và 04 người con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lưu Thị Thuý H, Quách Quốc H, Trần Văn H và Tiêu Phước V không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước và không có ý kiến gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Từ đầu năm 2023 Tiêu Phước Z đã làm giấy bán, cho, tặng xe và hợp đồng mua bán xe giả đem đến UBND xã Thạnh B đưa cho Quách Văn V (nguyên Cán bộ UBND xã) tiếp nhận và trình cho Trần Văn T (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã) ký chứng thực việc mua bán xe không đúng quy định (tổng cộng 13 giấy giả) rồi giao lại cho Lưu Chí X (nguyên Trưởng Công an xã Hòa L), vì vụ lợi mà X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã cấu kết với đối tượng tên T (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, khi T giao hồ sơ cho X thì T có gửi cho Thanh 20.000.000 đồng) và Z đăng ký 09 (chín) xe mô tô có giá trị thấp. X đã sử dụng tài khoản của trưởng Công an xã để hiệu chỉnh (sửa số khung, số máy, số loại của xe mô tô) để cấp biển số

thành xe có giá trị cao, hợp thức hóa xe không có nguồn gốc xuất xứ thành xe có nguồn gốc xuất xứ để bán thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K truy tố các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự; bị cáo Tiêu Phước Z về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo T, V, T đều là người có chức vụ, quyền hạn nhất định, trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ; nhưng các bị cáo vì vụ lợi đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, nhân dân mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Đối với bị cáo Z cố ý xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu và các tài liệu, giấy tờ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải xử mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo:

Bị cáo Tiêu Phước Z đã làm giả 13 bộ hồ sơ mua bán xe mô tô. Sau đó, liên hệ với V trình các hồ sơ giả cho T ký chứng thực để hợp thức hóa phương tiện không rõ nguồn gốc xuất xứ. Các hồ sơ giả này được chuyển đến X, để thực hiện đăng ký xe. Bị cáo Z là người khởi xướng và trực tiếp làm giả các tài liệu, giấy tờ; thực hiện hành vi phạm tội mà có số tiền 1.920.000 đồng.

Các bị cáo Quách Văn V, Trần Văn T và Lưu Chí X đều là người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo V, trực tiếp nhận hồ sơ giả từ Z để trình T ký chứng thực, đồng ý thực hiện hành vi phạm tội theo sự gợi ý của Z. Vai trò của V là người giúp sức cho hành vi phạm tội của Z và hành vi phạm tội của T; là người nhận tiền thu lệ phí từ Z không ghi hoá đơn, thực hiện hành vi phạm tội mà có số tiền 260.000 đồng.

Bị cáo T, đã thống nhất với V chứng thực hồ sơ được bồi dưỡng nên đã ký việc mua bán xe không đúng quy định (không kiểm tra việc người bán và người mua xe có đến thực hiện chứng thực hay không). Các hồ sơ này được giao cho X

làm các thủ tục đăng ký xe. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có số tiền 325.000 đồng nhận từ V.

Bị cáo X, bàn bạc và nhận của đối tượng tên T số tiền 20.000.000 đồng; sử dụng tài khoản của trưởng Công an xã đã trực tiếp truy cập vào hệ thống đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới, hiệu chỉnh dữ liệu để cấp biển số thành xe trái quy định, mục đích hợp thức hóa các xe không rõ nguồn gốc, nâng giá trị xe để bán thu lợi bất chính.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đã tự nguyện nộp lại số tiền phạm tội mà có; nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo X, V, T đều có thành tích xuất sắc trong công tác, được khen thưởng; bị cáo X được tặng thưởng 02 Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo V được UBND huyện Giồng R tặng 17 Giấy khen; Liên đoàn lao động tỉnh và huyện Giồng R tặng nhiều Giấy khen; UBND tỉnh K tặng 02 Bằng khen; BCH Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo (hiển máu 40 lần trở lên); bị cáo T được UBND tỉnh K tặng nhiều Bằng khen; Bộ Công an tặng thưởng 02 Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ Quốc.

Gia đình của bị cáo X, V, T có công với cách mạng, cụ thể:

Bị cáo X, có cha, mẹ, ông nội và ông bà ngoại được tặng Huân, Huy chương kháng chiến; gia đình liệt sĩ; bị cáo V có cha, ông được tặng Huân, Huy chương kháng chiến; gia đình liệt sĩ; bị cáo T có ông, bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên các bị cáo X, V, T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về ý kiến của luật sư Đào Quốc V bào chữa cho bị cáo X cho rằng: Khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thu hồi lại các giấy tờ giả (tự nguyện giao nộp 09 lốc máy xe và 09 khung sườn xe mô tô), phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, hậu quả không xảy ra và bị cáo đã nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về hành vi khách quan và khách thể, người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giả mạo trong công tác xâm phạm hoạt động đúng

đầu của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị mất uy tín.... hậu quả của hành vi này không phải là dấu hiệu bắt buộc (tức là dù hậu quả chưa xảy ra nhưng hành vi vẫn cấu thành tội phạm). Gia đình bị cáo X nộp lại số tiền do phạm tội mà có chứ không phải bị cáo bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả. Do đó, luật sư V yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm a, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, tình tiết này Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình phạt cho bị cáo X.

[6] Về hình phạt: Đối với bị cáo V, T đã bị xét xử vụ án khác cũng về tội danh “Giả mạo trong công tác” và bị xử phạt 12 năm tù. Trong vụ án này các bị cáo V, T, X có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các luật sư bào chữa cho 03 bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cho các bị cáo. Đối với bị cáo Z có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xử phạt đầu khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phân tích, đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; vai trò của các bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên về hình phạt như đã nhận định nêu trên, nghĩ nên xử phạt mức án nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo sớm cải tạo sớm trở về gia đình chăm lo cho con còn nhỏ dại và cha mẹ già đang bị bệnh.

[8] Xét đề nghị của các luật sư Đào Quốc V, Nguyễn Thị Kim S, Phạm Văn Triều A bào chữa cho các bị cáo X, V, T: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc Viện kiểm sát đề nghị chuyển khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo; về hoàn cảnh gia đình của các bị cáo là lao động duy nhất nuôi con nhỏ dại, cha mẹ già nên đề nghị xử các bị cáo mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[9.1] Tịch thu tài sản sung vào ngân sách nhà nước gồm:

- 09 (chín) lốc máy xe mô tô (số máy: F124114372; F124148426; E114M113439; E101EK301174; E101EK300579; E101E054383; E101E053445; E101E054544; E101E046923).

- 09 (chín) khung sườn xe mô tô (số khung: RU120UA14372; PMSRU120U22A48426; RU110UA13439; PMYKE0600H0301174; PMYKE0600H0300579; KE1054383; KE1053445; KE1054544; KE1046923).

- Đối với 29 (hai mươi chín) hồ sơ đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh K tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

[9.2] Tịch thu tiền sung vào ngân sách nhà nước do hành vi phạm tội mà có, cụ thể:

- Bị cáo Lưu Chí X đã nộp số tiền 20.200.000 đồng, theo biên lai số 0006630, ngày 08/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 20.000.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Tiêu Phước Z đã nộp số tiền 2.120.000 đồng, theo biên lai số 0005642, ngày 02/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 1.920.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Quách Văn V đã nộp số tiền 460.000 đồng, theo biên lai số 0005805, ngày 12/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 260.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Trần Văn T đã nộp số tiền 525.000 đồng, theo biên lai số 0005789, ngày 19/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 325.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Các vấn đề khác: Qua tài liệu xác định, Lưu Chí X tiếp nhận từ tên T (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) 20 hồ sơ đăng ký xe nêu trên có nguồn gốc giả nhưng vì động cơ vụ lợi mà tiếp nhận đăng ký cho 20 chiếc xe có nguồn gốc giả thành xe hợp pháp, tạo điều kiện cho T bán cho người khác để thu lợi bất chính. Hiện chưa làm rõ nhân thân, lai lịch tên T và đối tượng có liên quan làm giả tài liệu của 20 hồ sơ xe mô tô, xe máy này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra xác minh, truy tìm đối tượng, vật chứng có liên quan để tiến hành điều tra làm rõ và sẽ xử lý sau trong một vụ án khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Chí X, Quách Văn V, Trần Văn T phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự; bị cáo Tiêu Phước Z phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

2.1. Xử phạt bị cáo **Lưu Chí X** - 07 (bảy) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 18/10/2023 đến ngày 02/4/2025.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

2.2. Xử phạt bị cáo **Quách Văn V** - 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số: 1110/2024/HS-PT ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị cáo Quách Văn V phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/8/2023.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

2.3. Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** - 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp với hình phạt 12 (mười hai) năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số: 1110/2024/HS-PT ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/8/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Tiêu Phước Z** - 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 21/03/2024 đến ngày 29/8/2024.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tài sản sung vào ngân sách nhà nước gồm:

- 09 (chín) lốc máy xe mô tô (số máy: F124114372; F124148426; E114M113439; E101EK301174; E101EK300579; E101E054383; E101E053445; E101E054544; E101E046923).

- 09 (chín) khung sườn xe mô tô (số khung: RU120UA14372; PMSRU120U22A48426; RU110UA13439; PMYKE0600H0301174; PMYKE0600H0300579; KE1054383; KE1053445; KE1054544; KE1046923).

- Đối với 29 (hai mươi chín) hồ sơ đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh K tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

4.2. Tịch thu tiền sung vào ngân sách nhà nước do hành vi phạm tội mà có, cụ thể:

- Bị cáo Lưu Chí X đã nộp số tiền 20.200.000 đồng, theo biên lai số 0006630, ngày 08/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 20.000.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Tiêu Phước Z đã nộp số tiền 2.120.000 đồng, theo biên lai số 0005642, ngày 02/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 1.920.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Quách Văn V đã nộp số tiền 460.000 đồng, theo biên lai số 0005805, ngày 12/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 260.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

- Bị cáo Trần Văn T đã nộp số tiền 525.000 đồng, theo biên lai số 0005789, ngày 19/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K (trong đó 325.000 đồng là tiền phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền đóng án phí).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo đã nộp xong.

5. **Quyền kháng cáo:** Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo, bị hại (5);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng